

Số: **42** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **24** tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung và phân phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội

đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025; Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung và phần phân bổ sau nguồn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ phần phân bổ sau nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn: Tổng vốn đầu tư phát triển phân bổ là 53.594 triệu đồng. Bao gồm:

a) Nguồn ngân sách trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 là 390 triệu đồng.

b) Nguồn phân bổ sau tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 là 53.204 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 10.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 43.204 triệu đồng).

2. Phân bổ chi tiết 53.594 triệu đồng (ngân sách trung ương 10.390 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 43.204 triệu đồng) để khởi công mới 14 dự án đầu tư trên địa bàn các xã: Ea Na; Ea Ô; Dur Kmăl; Ea Ning; Ea Drông, Cư Prao; Ea Kiết; Đăk Liêng; Dang Kang.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng uỷ HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- VPĐP Nông thôn mới tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã: Ea Na; Ea Ô; Dur Kmă; Ea Ning; Ea Drông, Cư Pao; Ea Kiết; Đắk Liêng; Dang Kang;
- Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ PHÂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAO BỔ SUNG VÀ PHẦN
PHÂN BỐ SAU ĐỂ KHỞI CÔNG MỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số **42** /NQ-HĐND ngày **24** tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
						Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
							NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(16)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG					66.467	57.783	7.817	478	389	53.594	10.390	43.204	24.299	18.905	
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ MÔ HÌNH CHỈ ĐẠO ĐIỂM CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH OCOP (HUYỆN KRÔNG ANA)					13.000	13.000	-	-	-	13.000	10.000	3.000	-	3.000	
1	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển các sản phẩm để phục vụ điểm du lịch cộng đồng Buôn Kuốp.	Buôn Kuốp, xã Dray Sáp	Xã Ea Na	Thông thường	2025	13.000	13.000	-	-	-	13.000	10.000	3.000		3.000	
II	HUYỆN EA KAR					7.830	6.000	1.710	20	100	6.000	-	6.000	3.956	2.044	
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐX2, ĐX3, xã Ea Ô, huyện Ea Kar.	Xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Thông thường	2025	7.830	6.000	1.710	20	100	6.000		6.000	3.956	2.044	
III	HUYỆN KRÔNG ANA					8.277	7.449	818	-	10	7.449	-	7.449	4.000	3.449	
1	Đường giao thông từ xã Dur Kmăl đi xã Băng A Drênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Xã Dur Kmăl và xã Băng A Drênh	Xã Dur Kmăl	Thông thường	2025	8.277	7.449	818		10	7.449		7.449	4.000	3.449	
IV	HUYỆN CƯ KUIN					14.426	11.335	2.444	458	189	11.335	-	11.335	6.000	5.335	
1	Đường giao thông liên xã ĐX 1 và ĐX 2, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3.431	3.088	245	46	52	3.088		3.088	1.500	1.588	
2	Đường giao thông liên thôn, buôn từ thôn 1A đi thôn 1B và Buôn Tắc Mngà đi thôn 12, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3.865	2.899	773	145	48	2.899		2.899	1.500	1.399	
3	Đường giao thông liên thôn các thôn 4, 5, 2, 3, 1A, xã Cư Êwi.	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3.450	2.588	690	129	43	2.588		2.588	1.500	1.088	
4	Đường giao thông liên thôn từ thôn 3 đi thôn 9, xã Ea Bhók	Xã Ea Bhók	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	3.680	2.760	736	138	46	2.760		2.760	1.500	1.260	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
						Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
							NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
V	THỊ XÃ BUỒN HỒ					14.717	12.277	2.390	-	50	12.277	390	11.887	6.810	5.077	
1	Đường giao thông liên xã (Tuyến số 7, từ Buôn Dhu, xã Ea Đrông đến giáp xã Ea Siên), thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Đrông	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	8.628	7.765	841		22	7.765		7.765	4.000	3.765	
2	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sậu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	4.489	3.312	1.159		18	3.312		3.312	2.000	1.312	
3	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sậu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ (đoạn từ Km1+900 ÷ Km2+500)	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	1.600	1.200	390		10	1.200	390	810	810		
VI	HUYỆN M'ĐRẮK					5.585	5.575	-	-	10	1.386	-	1.386	1.386	-	
1	Đường giao thông từ thôn 5 đi thôn 10 xã Cư Prao, huyện M'Đrắk	Xã Cư Prao	Xã Cư Prao	Thông thường	2025	5.585	5.575	-	-	10	1.386		1.386	1.386		Lồng ghép đầu tư với 4.189 triệu đồng vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
VII	HUYỆN CƯ M'GAR					1.961	1.486	455	-	20	1.486	-	1.486	1.486	-	
1	Đường giao thông liên thôn tuyến 2 thôn 6, xã Ea Kiết (đoạn từ QL29 đến nhà ông Hương)	Xã Ea Kiết	Xã Ea Kiết	Thông thường	2025	1.961	1.486	455		20	1.486		1.486	1.486		
VIII	HUYỆN LẮK					169	164	-	-	5	164	-	164	164	-	
1	Đường giao thông Buôn Lách Rung, xã Buôn Triết (đoạn từ nhà ông Phạm Ngọc Phúc lên nghĩa địa Buôn Lách Rung)	Xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	Đặc thù	2025	169	164			5	164		164	164		
IX	HUYỆN KRÔNG BÔNG					502	497	-	-	5	497	-	497	497	-	
1	Đường giao thông nội vùng thôn 2, xã Dang Kang	Xã Dang Kang	Xã Dang Kang	Đặc thù	2025	502	497			5	497		497	497		